

Số: 44 /2017/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về Quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thủ đô số 25/2014/QH13 ngày 21/11/2012;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về việc sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 328/TTr-SXD ngày 09/11/2017 về việc ban hành “Quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố Hà Nội”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Hà Nội”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2017.

Quyết định này thay thế Quyết định số 193/2005/QĐ-UB ngày 18/11/2005 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Công thương, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Quy hoạch - Kiến trúc, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế, Công an Thành phố; Viện trưởng Viện Quy hoạch xây dựng; Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã Sơn Tây và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP; (để b/c)
- Chủ tịch UBND TP;
- Các đ/c PCT UBND TP;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- VPUB: CVP, các PCVP;
các phòng: ĐT, TH, KGVX, TKBT, KT;
- Các Báo: HNM, KTĐT, ANTĐ,
Đài PT&THHN (để đưa tin);
- Công giao tiếp điện tử HN;
- Lưu: VT, ĐT.

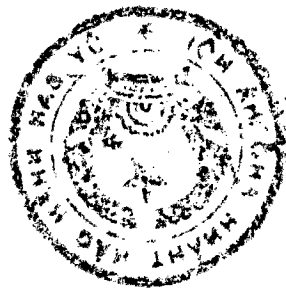
123

80

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung



QUY ĐỊNH

Về Quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Hà Nội

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 44 /2017/QĐ- UBND
ngày 06 tháng 12 năm 2017 của UBND thành phố Hà Nội)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung, bao gồm: Định hướng, quy hoạch thoát nước, kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước, quản lý và vận hành hệ thống thoát nước, đầu nối thoát nước, dịch vụ thoát nước; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và thành phần hệ thống thoát nước

1. Thuật ngữ sử dụng trong Quy định này thực hiện theo quy định tại Điều 2, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (sau đây gọi là Nghị định số 80/2014/NĐ-CP).

2. Thành phần hệ thống thoát nước và xử lý nước thải bao gồm:

a) Mạng lưới thoát nước cấp 1: Bao gồm kênh, mương, cống dẫn nước thải, nước mưa cho khu vực hoặc lưu vực thoát nước xả trực tiếp vào các nguồn tiếp nhận như sông, hồ hoặc nhà máy xử lý nước thải;

b) Mạng lưới thoát nước cấp 2: Bao gồm hệ thống công dọc các đường phố chính có chức năng vận chuyển nước thải và nước mưa đến mạng lưới thoát nước cấp 1;

c) Mạng lưới thoát nước cấp 3: Bao gồm công dọc các đường phố trong các khu dân cư, ngõ xóm; các cống dẫn nước mưa từ các cửa thu hè phố, nước thải từ các hộp đấu nối và truyền tải tới mạng lưới thoát nước cấp 1 và cấp 2;

d) Hộp đấu nối là những vị trí tại điểm đấu nối của hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước thành phố, được bố trí thành hố kiểm tra để thực hiện việc đấu nối và phục vụ duy trì, nạo vét;

e) Hồ ga, cửa thu nước lề đường, các giếng tách nước mưa và nước thải, cống bao, cống áp lực, cửa phai; các trạm bơm nước thải, nước mưa, nước hồ và các cống ra vào trạm bơm;

g) Hồ điều hòa và các kênh, mương; các cửa xả nước mưa hoặc nước thải;

h) Các nhà máy/trạm xử lý nước thải tập trung và phi tập trung; công trình xử lý bùn cặn.

Điều 3. Quy hoạch thoát nước và đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước

1. Quy hoạch thoát nước thành phố Hà Nội là quy hoạch chuyên ngành được lập riêng thành một đồ án nhằm cụ thể hóa quy hoạch thoát nước trong Quy hoạch chung thành phố Hà Nội được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Quy hoạch thoát nước khu công nghiệp là một nội dung của Quy hoạch xây dựng khu công nghiệp thành phố Hà Nội. Nội dung cơ bản của quy hoạch thoát nước khu công nghiệp được quy định tại Khoản 2, Điều 5, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

3. Quy hoạch thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung là một nội dung của quy hoạch xây dựng nông thôn. Nội dung quy hoạch thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung được quy định tại Khoản 3, Điều 5, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

4. Việc lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ, quy hoạch thoát nước tuân thủ các quy định của Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng và các quy định khác có liên quan.

5. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan nghiên cứu, lập quy hoạch thoát nước thành phố Hà Nội theo quy định.

6. Các chủ đầu tư khi lập dự án đầu tư xây dựng các công trình thoát nước phải bảo đảm sự phù hợp với quy hoạch và tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Điều 4. Quản lý cao độ có liên quan đến thoát nước

1. Quản lý cao độ nền đô thị:

a) Cao độ nền đô thị được xác định trong đồ án quy hoạch xây dựng theo hệ cao độ chuẩn quốc gia phải bảo đảm yêu cầu thoát nước mưa, nước thải và được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội trên cơ sở quy hoạch chuyên ngành thoát nước đô thị được phê duyệt, có trách nhiệm cung cấp các thông tin về cao độ nền đô thị cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu;

c) Việc đầu tư xây dựng công trình phải tuân thủ cao độ nền đô thị theo quy hoạch được phê duyệt;

d) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở, cấp phép xây dựng có trách nhiệm kiểm tra sự phù hợp giữa cao độ thiết kế công trình xây dựng và cao độ nền đô thị.

2. Quản lý cao độ của hệ thống thoát nước.

a) Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội có trách nhiệm cung cấp cao độ hệ thống thoát nước và các thông tin về hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch được phê duyệt cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu;

b) Đơn vị thoát nước có trách nhiệm: Xác định và điều tiết cao độ mực nước các hồ điều hòa, kênh mương thoát nước nhằm bảo đảm tối đa khả năng tiêu thoát, điều hòa thoát nước mưa, chống úng ngập và bảo vệ môi trường; quản lý cao độ các tuyến cống chính và cống thu gom nước thải, nước mưa; cung cấp cao độ của hệ thống thoát nước thuộc địa bàn quản lý, duy trì cho các tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

3. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các sông, hồ, hệ thống kênh mương liên quan đến việc thoát nước đô thị có trách nhiệm phối hợp với đơn vị thoát nước địa bàn trong việc bảo đảm yêu cầu về thoát nước, chống úng ngập đô thị.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 5. Chủ sở hữu công trình thoát nước

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội là chủ sở hữu công trình thoát nước, giao Sở Xây dựng là đầu mối tổ chức thực hiện công tác quản lý, duy trì hệ thống thoát nước trên địa bàn Thành phố, gồm:

a) Toàn bộ hệ thống thoát nước trên địa bàn 12 quận, các thị trấn thuộc các huyện, các phường thuộc thị xã Sơn Tây; thoát nước gắn với các khu vực, các đường do thành phố quản lý sau đầu tư trên địa bàn các huyện và thị xã Sơn Tây;

b) Tiếp nhận bàn giao hệ thống thoát nước từ các tổ chức, các chủ đầu tư kinh doanh, phát triển khu công nghiệp, khu đô thị mới;

c) Tiếp nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác công trình thoát nước có thời hạn.

2. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp là chủ sở hữu hệ thống thoát nước trong khu đô thị mới, khu công nghiệp do mình quản lý đến khi bàn giao cho Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện là chủ sở hữu, thực hiện công tác quản lý, duy trì hệ thống thoát nước còn lại trên địa bàn trừ hệ thống thoát nước do Thành phố là chủ sở hữu, quản lý sau đầu tư tại khoản 1 điều này và các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu, quản lý tại khoản 2 điều này.

Điều 6. Chủ đầu tư công trình thoát nước

Chủ đầu tư công trình thoát nước thực hiện theo các quy định tại Khoản 9 Điều 3 của Luật Xây dựng năm 2014; Điều 4 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Điều 11 Nghị định 80/2014-NĐ-CP.

Điều 7. Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước

1. Nội dung kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước bao gồm các giải pháp, phương án đầu tư, công việc cụ thể nhằm bảo đảm tiêu thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải, nâng cao độ bao phủ dịch vụ và cải thiện chất lượng dịch vụ.

2. Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước phải phù hợp với Quy hoạch xây dựng, Quy hoạch thoát nước, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng giai đoạn của Thành phố, Kế hoạch phát triển đầu tư công (đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước) đã được phê duyệt và có sự phối hợp với các địa phương liên quan.

3. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với đơn vị thoát nước và các cơ quan liên quan lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước Thành phố cho giai đoạn 05 năm trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

Điều 8. Nguồn vốn đầu tư

Hệ thống thoát nước đô thị, khu, cụm công nghiệp và khu dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội, được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác. Thành phố khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng một phần hoặc toàn bộ hệ thống thoát nước phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch thoát nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 9. Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng hoặc cải tạo hệ thống thoát nước, xử lý nước thải phải tuân theo các quy định của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

2. Tùy theo đặc điểm, quy mô dự án, trong quá trình nghiên cứu lập dự án đầu tư xây dựng hoặc cải tạo các hệ thống thoát nước, xử lý nước thải có tính chất tập trung, giải quyết một cách cơ bản các vấn đề thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải của các đô thị, chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau:

a) Tổ chức điều tra, khảo sát xã hội học, tham vấn cộng đồng, đánh giá thực trạng mức sống, khả năng và việc sẵn sàng đấu nối, thực hiện nghĩa vụ chi trả chi phí dịch vụ thoát nước của người dân khu vực dự án; đồng thời để người dân được biết các thông tin về dự án, chất lượng dịch vụ được hưởng sau khi dự án hoàn thành, tham gia vào quá trình ra quyết định và giám sát thực hiện;

b) Việc lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ và quy mô công suất, xác định tổng mức đầu tư của dự án phải được xem xét một cách đồng bộ với chi phí quản lý, vận hành để đảm bảo hiệu quả kinh tế tổng thể của dự án;

c) Dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước, xử lý nước thải phải thực hiện đồng bộ từ xây dựng nhà máy xử lý nước thải, mạng lưới thu gom, chuyển tải nước thải đến hộp đấu nối trên toàn bộ phạm vi phục vụ của hệ thống thoát nước, phù hợp với quy hoạch chuyên ngành và các quy hoạch khác có liên quan.

3. Các dự án đầu tư xây dựng (giao thông, thủy lợi, cấp nước, điện, thông tin liên lạc và các dự án về hạ tầng kỹ thuật khác) phải tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành và phải được xây dựng đồng bộ với hệ thống thoát nước. Trường hợp khớp nối với hệ thống thoát nước đã có trong khu vực phải có ý kiến thỏa thuận của Chủ sở hữu hệ thống thoát nước trước khi trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Quy định về tiêu chuẩn dịch vụ

1. Đơn vị thoát nước được chủ sở hữu lựa chọn, trên cơ sở các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định và điều kiện cụ thể của hệ thống thoát nước do mình quản lý, duy trì, có trách nhiệm xây dựng “Kế hoạch bảo đảm thoát nước, chống úng ngập mùa mưa bão hàng năm” trình Sở Xây dựng xem xét, chấp thuận để thực hiện, đồng thời làm cơ sở đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác quản lý hệ thống thoát nước trên địa bàn.

2. Đơn vị thoát nước quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải phải tuân thủ các quy trình kỹ thuật theo quy định; chất lượng nước thải sau xử lý phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 14 Quy định này.

Điều 11. Quy định về đấu nối hệ thống thoát nước

1. Yêu cầu về cao độ điểm đấu nối.

Điểm đấu nối là các điểm xả nước của các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước. Cao độ của điểm đấu nối phải phù hợp với cao độ hệ thống thoát nước khu vực, bảo đảm cho việc thoát nước từ hộ thoát nước tới điểm đấu nối và từ điểm đấu nối tới hồ kiểm tra hoặc hệ thống thoát nước chung. Cao độ điểm đấu nối được tính toán, thiết kế trong dự án xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải trên cơ sở quy hoạch thoát nước được phê duyệt và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định.

2. Hộp đấu nối và trách nhiệm thực hiện đấu nối.

a) Hộp đấu nối là nơi đấu nối hệ thống thoát nước bên trong khuôn viên của hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước công cộng. Hộp đấu nối được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn của chủ sở hữu hệ thống thoát nước, được xây dựng đồng thời với các dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng hay xây mới hệ thống thoát nước. Vị trí hộp đấu nối được xác định nằm trên phần đất công, tiếp giáp với phần đất của hộ thoát nước; bảo đảm ổn định lâu dài, thuận lợi cho việc thi công đấu nối, giao thông đi lại và công tác kiểm tra, giám sát, duy trì hoặc xử lý sự cố, sửa chữa rò rỉ nước thải của đơn vị thoát nước;

b) Hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư tuyến cống thu gom và hộp đấu nối để vận chuyển nước thải từ các điểm xả trong khuôn viên của hộ thoát nước đến

hộp đấu nối. Các hộ thoát nước lân cận có thể đấu nối cùng vào một hộp đấu nối nếu đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật và được đơn vị thoát nước chấp thuận;

c) Việc thi công tại hộp đấu nối do hộ thoát nước tự thực hiện bằng kinh phí của mình hoặc hộ thoát nước có thể thuê đơn vị có đủ năng lực để thực hiện, chịu sự giám sát của đơn vị thoát nước nhằm đảm bảo thi công đúng thiết kế đã được chấp thuận. Sau khi đấu nối hoàn thành phải lập biên bản nghiệm thu thi công đấu nối giữa đơn vị thoát nước, hộ thoát nước và đại diện chủ sở hữu công trình thoát nước làm cơ sở ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ thoát nước;

d) Đối với hệ thống thoát nước khu đô thị chưa bàn giao cho Thành phố quản lý, khu công nghiệp, cụm công nghiệp được xem là hộ thoát nước lớn thoát vào hệ thống thoát nước chung của Thành phố; chủ sở hữu công trình thoát nước và chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung về đấu nối tại Quy định này.

3. Thời điểm đấu nối.

a) Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải và hộp đấu nối bắt buộc phải thực hiện đấu nối trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày văn bản thỏa thuận đấu nối được ký kết hoặc thông báo của đơn vị thoát nước về việc thời gian, tiến độ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước khu vực được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp hộ thoát nước tự thực hiện đấu nối nếu quá trình thực hiện gặp khó khăn về kỹ thuật, đơn vị thoát nước có trách nhiệm hỗ trợ kỹ thuật và thỏa thuận với hộ thoát nước để làm cơ sở thực hiện;

b) Đối với các hộ thoát nước thải sinh hoạt là hộ gia đình đã đấu nối vào hệ thống thoát nước trước khi quy định này có hiệu lực nhưng đấu nối chưa phù hợp quy định thì đơn vị thoát nước chủ động lập kế hoạch điều chỉnh đấu nối cho phù hợp với điều kiện đấu nối cụ thể của từng khu vực và bảo đảm yêu cầu kỹ thuật;

c) Đối với các hộ thoát nước thải khác (không phải nước thải sinh hoạt) thì phải rà soát, điều chỉnh đấu nối đảm bảo phù hợp quy định sau khi nhận được thông báo của chủ sở hữu công trình thoát nước.

4. Xả nước thải tại điểm đấu nối.

a) Đối với nước thải sinh hoạt: Các hộ thoát nước được phép xả nước thải trực tiếp vào hệ thống thoát nước tại điểm đấu nối;

b) Đối với các loại nước thải khác: Các hộ thoát nước phải thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả vào điểm đấu nối và theo các quy định về đấu nối và thỏa thuận đấu nối.

5. Xác định khối lượng nước thải xả vào điểm đấu nối để tính tiền sử dụng dịch vụ thoát nước.

a) Đối với nước thải sinh hoạt: Trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, nếu không có đồng hồ đo lưu lượng nước thải thì khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo

hóa đơn tiền nước; Trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được xác định bằng lượng nước sạch tiêu thụ bình quân đầu người 120 lít/người/ngày đêm ($3,6\text{m}^3$ /người/tháng);

b) Đối với các loại nước thải khác: Trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, nếu không có đồng hồ đo lưu lượng nước thải thì khối lượng nước thải được tính bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước; Trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, không lắp đặt được đồng hồ đo lưu lượng nước thải thì chủ sở hữu hệ thống thoát nước cùng đơn vị thoát nước, hộ thoát nước thống nhất xác định khối lượng nước thải làm căn cứ ký kết hợp đồng dịch vụ thoát nước.

6. Thỏa thuận và miễn trừ đầu nối.

Thỏa thuận và miễn trừ đầu nối thực hiện theo quy định tại Điều 35, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Thỏa thuận đầu nối là biên bản thỏa thuận giữa đơn vị thoát nước và hộ thoát nước trên cơ sở văn bản chấp thuận đầu nối của chủ sở hữu công trình thoát nước, trong đó cụ thể một số nội dung về: vị trí, cao độ, chiều dài, đường kính, vật liệu ống đầu nối, thời gian thực hiện, chất lượng, khối lượng nước thải xả vào điểm đầu nối (Phụ lục 01, 02 và 03 kèm theo).

Điều 12. Quy chuẩn kỹ thuật về xả nước thải áp dụng

1. Nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu, cụm công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung, làng nghề xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm các quy chuẩn kỹ thuật môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

2. Nước thải từ các nhà máy, cơ sở sản xuất trong khu, cụm công nghiệp xả vào hệ thống thoát nước tập trung của khu, cụm công nghiệp phải tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý môi trường khu, cụm công nghiệp và các quy định của cơ quan quản lý thoát nước trong khu công nghiệp.

3. Nước thải từ các hộ thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung, làng nghề xả vào hệ thống thoát nước tại khu vực nông thôn phải tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường khu dân cư nông thôn tập trung.

4. Trường hợp nước thải xử lý phi tập trung, căn cứ khả năng tiếp nhận và mục đích sử dụng của nguồn tiếp nhận, thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật về nước thải xử lý phi tập trung do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

Điều 13. Bùn thải của hệ thống thoát nước; bùn thải từ bể tự hoại

1. Việc quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 04/2015/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

2. Nội dung quản lý bùn thải bể tự hoại thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

Điều 14. Quy định về xử lý nước thải tập trung và phi tập trung

1. Nước thải các đô thị, khu, cụm công nghiệp phải được thu gom vào hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung tại khu xử lý nước thải. Nước thải sau khi được xử lý phải đảm bảo yêu cầu:

a) Chất lượng nước thải sau xử lý phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được quy định cho việc sử dụng nước vào các mục đích khác nhau, không ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân, bảo đảm an toàn vệ sinh môi trường và phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về sử dụng nước thải sau xử lý do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành;

b) Trường hợp sử dụng nước thải sau xử lý thì nước thải đó phải được phân phối đến điểm tiêu thụ theo hệ thống riêng biệt, bảo đảm không xâm nhập và ảnh hưởng đến hệ thống cấp nước sạch trên cùng địa bàn, khu vực.

2. Quy định về xử lý nước thải phi tập trung.

a) Đối tượng áp dụng giải pháp xử lý nước thải phi tập trung bao gồm các khu hoặc cụm dân cư, khu đô thị mới, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, chợ, trường học, khu nghỉ dưỡng hoặc các khu vực bị hạn chế bởi đất đai, địa hình không có khả năng hoặc chưa thể kết nối với hệ thống thoát nước tập trung;

b) Giải pháp xử lý nước thải phi tập trung thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 1, Thông tư số 04/2015/TT-BXD của Bộ Xây dựng;

c) Khi áp dụng giải pháp xử lý nước thải phi tập trung phải tính đến khả năng đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung trong tương lai và phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Chủ đầu tư hệ thống thoát nước căn cứ vào nguồn thải phát sinh, nguồn tiếp nhận, điều kiện kinh tế, địa hình, trình độ, năng lực quản lý, vận hành hệ thống thoát nước của đơn vị thoát nước lựa chọn giải pháp xử lý nước thải phi tập trung phù hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định;

d) Tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý nước thải phi tập trung theo quy định tại Khoản 3, Điều 1 Thông tư số 04/2015/TT-BXD của Bộ Xây dựng;

Chủ đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước căn cứ vào quy hoạch xây dựng hoặc quy hoạch thoát nước, các điều kiện cụ thể của địa phương quyết định lựa chọn công nghệ xử lý nước thải phi tập trung cho phù hợp.

Điều 15. Quy định về quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

1. Lựa chọn đơn vị thoát nước.

Chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước tổ chức lựa chọn đơn vị thực hiện quản lý, vận hành hệ thống thoát nước (đơn vị thoát nước) theo quy định; Việc lựa chọn đơn vị thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Nội dung quản lý, vận hành hệ thống thoát nước mưa, tái sử dụng nước mưa; quản lý vận hành hệ thống thoát nước thải.

Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước mưa, tái sử dụng nước mưa; quản lý vận hành hệ thống thoát nước thải và hệ thống thoát nước chung được thực hiện theo các quy định tại Điều 20 và Điều 21 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

3. Nội dung quản lý hệ thống hồ điều hòa.

Quản lý hệ thống hồ điều hòa: Ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, các tổ chức, cá nhân có liên quan còn phải thực hiện theo Quy định về quản lý hồ trên địa bàn thành phố Hà Nội tại Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

4. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

a) Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu và đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước (đơn vị thoát nước). Mẫu hợp đồng quản lý, vận hành theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BXD của Bộ Xây dựng;

b) Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước có thời hạn ngắn nhất từ 03 năm trở lên và dài nhất là 10 năm. Khi hết thời hạn của hợp đồng, bên chủ sở hữu sẽ thực hiện việc lựa chọn lại đơn vị thoát nước theo các quy định hiện hành của pháp luật về lựa chọn các đơn vị sản xuất, cung ứng các sản phẩm dịch vụ công ích bảo đảm tính liên tục.

5. Hợp đồng dịch vụ thoát nước.

Hợp đồng dịch vụ thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa đơn vị thoát nước với hộ thoát nước xả nước thải vào hệ thống thoát nước.

Nội dung cơ bản của Hợp đồng dịch vụ thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 27, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và Phụ lục số 02 Thông tư số 04/2015/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

6. Ngừng dịch vụ thoát nước.

Ngừng dịch vụ thoát nước được thực hiện theo Điều 28 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 16. Quy định về lập, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước

1. Chủ sở hữu công trình thoát nước có trách nhiệm lập và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước, đồng thời giao Đơn vị thoát nước khai thác, sử dụng và cập nhật hệ thống thoát nước mới tiếp nhận do mình được lựa chọn khai thác, vận hành.

2. Việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước phải tuân thủ các quy định của pháp luật, quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu của Thành phố và phải được sự đồng ý của chủ sở hữu hệ thống thoát nước.

Điều 17. Trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động thoát nước, các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

1. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm báo cáo chủ sở hữu hệ thống thoát nước về tình hình hoạt động của hệ thống thoát nước được giao quản lý, vận hành.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng tình hình quản lý hoạt động thoát nước thuộc khu vực, địa bàn quận, huyện được phân cấp hoặc được giao đại diện chủ sở hữu quản lý.

3. Chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án về tình hình quản lý hoạt động thoát nước thuộc phạm vi dự án do mình làm chủ đầu tư.

4. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Xây dựng về tình hình hoạt động thoát nước trên địa bàn Thành phố.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị thoát nước

1. Đơn vị thoát nước có các quyền sau:

Đơn vị thoát nước có các quyền theo quy định tại Khoản 1, Điều 18, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan;

2. Đơn vị thoát nước có các nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

Ngoài các nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định tại Khoản 2, Điều 18, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, đơn vị thoát nước còn phải thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

a) Hàng năm xây dựng kế hoạch, tiến độ triển khai thực hiện công tác quản lý, duy trì, nạo vét thường xuyên hệ thống thoát nước trong phạm vi quản lý; bổ sung, cập nhật hồ sơ, cơ sở dữ liệu, thực hiện duy trì đối với hệ thống thoát nước mới được tiếp nhận; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát công tác đấu nối, sau đấu nối hệ thống thoát nước đảm bảo chất lượng, yêu cầu thoát nước trên địa bàn thuộc phạm vi được giao quản lý, vận hành;

b) Thông báo bằng văn bản tới chính quyền địa phương, hộ thoát nước về kế hoạch triển khai các dự án bổ sung, nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước để các hộ thoát nước biết, chủ động trong công tác đấu nối thoát nước. Thực hiện giám sát, hướng dẫn, hỗ trợ các hộ thoát nước trong công tác đấu nối đảm bảo kỹ thuật, yêu cầu thoát nước;

c) Giám sát việc xây dựng các công trình thu gom của các hộ thoát nước theo hợp đồng dịch vụ thoát nước đã ký; điều chỉnh mẫu hợp đồng dịch vụ thoát nước hoặc phụ lục hợp đồng dịch vụ thoát nước (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật;

d) Định kỳ thực hiện quan trắc chất lượng nước thải trong hệ thống thoát nước phù hợp với pháp luật về bảo vệ môi trường; tổ chức kiểm soát việc xả nước thải của hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước do mình quản lý bảo đảm các quy chuẩn quy định, tự tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm khi thấy cần thiết; bảo vệ an toàn

hệ thống thoát nước theo quy định; phối hợp với Thanh tra xây dựng và các cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm đối với hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thuộc phạm vi được giao quản lý.

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của hộ thoát nước

1. Quyền và nghĩa vụ của hộ thoát nước.

Thực hiện theo Điều 29 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ.

2. Hộ thoát nước có các trách nhiệm sau:

a) Đầu tư xây dựng toàn bộ đường ống thoát nước, công trình xử lý sơ bộ (nếu có) đến hộp đấu nối và hoàn trả nguyên trạng các mặt bằng công cộng đã sử dụng để thi công;

b) Thực hiện đúng biên bản thỏa thuận đấu nối thoát nước (phụ lục 02), chịu sự kiểm tra, giám sát của đơn vị thoát nước và các đơn vị có liên quan đảm bảo chất lượng công tác đấu nối theo quy định;

c) Tích cực tham gia và hưởng ứng các phong trào nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường, xây dựng và bảo vệ các công trình thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn. Đóng phí bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Điều 20. Giá dịch vụ thoát nước

1. Chi phí dịch vụ thoát nước và giá dịch vụ thoát nước được xác định theo nguyên tắc và phương pháp quy định từ Điều 36 đến Điều 40 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và Thông tư số 02/2015/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

2. Trách nhiệm lập, thẩm định và phê duyệt giá dịch vụ thoát nước.

a) Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước, Sở Tài chính tổ chức thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt;

b) Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ các nguồn vốn khác: Chủ sở hữu hệ thống thoát nước lập và trình giá dịch vụ thoát nước, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt;

c) Đối với khu, cụm công nghiệp: Giá dịch vụ thoát nước do chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp tự thỏa thuận với các chủ đầu tư trong khu công nghiệp đề xuất về mức giá. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng có ý kiến thỏa thuận làm cơ sở quyết định mức giá.

3. Điều chỉnh giá dịch vụ thoát nước.

Thực hiện theo Điều 42 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và các quy định tại Quyết định ban hành giá dịch vụ thoát nước của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

4. Phương thức thu, thanh toán, quản lý và sử dụng nguồn thu từ dịch vụ thoát nước.

Thực hiện theo quy định tại Điều 43 và Điều 44 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, các quy định liên quan của Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Chương III **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG** **THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Điều 21. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

1. Sở Xây dựng.

a) Là đầu mối thực hiện quản lý nhà nước về thoát nước đô thị và xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố; Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo về công tác lập quy hoạch, đầu tư phát triển, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống thoát nước đô thị và xử lý nước thải; hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo tình hình quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng, khai thác, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố;

b) Chủ trì lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố; phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn toàn Thành phố; xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật quản lý duy tu duy trì hệ thống thoát nước đô thị; xây dựng kế hoạch, phương án đảm bảo thoát nước, chống úng ngập khu vực nội thành Thành phố;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước; Sở Tài chính tổ chức thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt;

d) Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động xả nước thải từ các hộ thoát nước (bao gồm: khu, cụm công nghiệp, cơ sở y tế, làng nghề và khu dân cư nông thôn tập trung) xả vào hệ thống thoát nước đô thị;

đ) Thực hiện chức năng kiểm tra, thanh tra chuyên ngành thoát nước và xử lý nước thải theo quy định;

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan đẩy mạnh triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước đô thị phục vụ việc quản lý, khai thác và sử dụng trên địa bàn Thành phố;

g) Chủ trì, phối hợp các Sở ngành có liên quan chịu trách nhiệm tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này;

h) Định kỳ hàng năm kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý thoát nước đô thị và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Xây dựng.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường.

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bảo vệ môi trường và tài nguyên nước đối với các công trình thoát nước và xử lý nước thải; tổ chức tiếp nhận số liệu quan trắc tự động của hệ thống xử lý nước thải theo quy định; cấp phép xả nước thải vào nguồn nước theo thẩm quyền;

b) Hướng dẫn thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn về hoạt động xả nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, hộ thoát nước (bao gồm: khu, cụm công nghiệp, cơ sở y tế, làng nghề và khu dân cư nông thôn tập trung) xả vào nguồn tiếp nhận;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, các cơ quan, đơn vị liên quan liên quan giám sát, kiểm tra, thanh tra các tổ chức, cá nhân có hoạt động xả nước thải vào nguồn tiếp nhận. Tổ chức quản lý các điểm xả, chất lượng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

d) Chủ trì thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải theo quy định;

đ) Chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng chính sách ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải.

3. Sở Tài chính.

a) Chủ trì thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn được đầu tư từ ngân sách nhà nước, chi phí kiểm tra chất lượng nước thải của các hộ thoát nước được miễn trừ đầu nối trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt;

b) Tham gia ý kiến về giá dịch vụ thoát nước trong khu, cụm công nghiệp để các chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp làm cơ sở quyết định về mức giá theo quy định;

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc bảo đảm cân đối vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách nhằm khuyến khích, huy động các nguồn vốn cho công tác lập quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải;

d) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý về tài chính đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư.

a) Tổng hợp, cân đối nhu cầu vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác, tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt kế hoạch bố trí vốn cho công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng các công trình thoát nước và xử lý nước thải từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn Thành phố, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt;

c) Chủ trì, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành cơ chế ưu đãi, khuyến khích đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp bằng nguồn vốn của ngân sách địa phương và theo các hình thức đầu tư khác ngoài ngân sách nhà nước theo quy định;

d) Là đầu mối đăng ký với các Bộ, ngành Trung ương kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải;

đ) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt danh mục các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu, cụm công nghiệp, làng nghề và khu dân cư tập trung nông thôn, tổ chức kêu gọi đầu tư theo quy định.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

a. Chỉ đạo các đơn vị được giao quản lý hệ thống các công trình thủy lợi phối hợp chặt chẽ với đơn vị thoát nước trong việc kết hợp giữa tiêu thoát nước đô thị và việc cung cấp nước phục vụ canh tác nông nghiệp, đảm bảo yêu cầu thoát nước, phòng chống úng ngập khi có mưa, lũ;

b. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã xây dựng kế hoạch, phương án phòng, chống úng ngập khu vực ngoại thành và đảm bảo an toàn hồ đập trong mùa mưa bão hàng năm.

6. Sở Khoa học và Công nghệ.

a) Tổ chức thẩm định công nghệ các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải;

b) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về việc lựa chọn công nghệ xử lý nước thải phù hợp với điều kiện của Thành phố.

7. Sở Giao thông Vận tải.

a) Chỉ đạo tổ chức, thực hiện quản lý duy trì hệ thống đường quốc lộ, tỉnh lộ, cầu và đường trên cao theo danh mục được Thành phố phê duyệt đảm bảo yêu cầu thoát nước;

b) Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã đôn đốc, chỉ đạo đơn vị quản lý giao thông tăng cường công tác tuần đường, phát hiện kịp thời, giải quyết các sự cố hư hỏng đối với hệ thống cầu, đường giao thông gây ra tình trạng úng ngập trên địa bàn quản lý theo phân cấp;

c) Phối hợp kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện công tác vận hành, duy trì của các đơn vị giao thông, thoát nước trên các đường quốc lộ, tỉnh lộ, cầu và đường trên cao theo phân cấp, đảm bảo yêu cầu thoát nước;

d) Chủ trì, xây dựng phương án đảm bảo giao thông trong mùa mưa bão hoặc khi xảy ra sự cố thiên tai trên các tuyến đường do Sở Giao thông Vận tải quản lý duy trì; phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn để chủ động trong việc phòng chống, khắc phục sự cố thiên tai, ngập lụt theo phương châm tại chỗ. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong

việc đảm bảo kết hợp giữa tiêu thoát nước tuyến đường giao thông và tiêu thoát nước phục vụ nông nghiệp đối với khu vực các huyện ngoại thành.

8. Sở Y tế.

Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải của các cơ sở y tế trên địa bàn Thành phố theo quy định hiện hành.

9. Sở Quy hoạch – Kiến trúc.

Thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch, kiến trúc theo chức năng nhiệm vụ được giao; phối hợp với Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc lập và điều chỉnh quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải liên quan đến các quy hoạch đô thị do Sở Quy hoạch – Kiến trúc quản lý; thực hiện thẩm định, trình phê duyệt quy hoạch chi tiết và quy hoạch tổng mặt bằng các công trình thoát nước và xử lý nước thải theo chức năng, nhiệm vụ được giao; quản lý cao độ quy hoạch hệ thống thoát nước đô thị và quản lý xây dựng theo quy hoạch đối với các dự án phát triển đô thị trên địa bàn Thành phố.

10. Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội.

Xác định chỉ giới đường đỏ và cung cấp các số liệu hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch trên địa bàn Thành phố; Cung cấp thông tin thuộc lĩnh vực quy hoạch xây dựng cho các tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu.

11. Sở Công Thương.

Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố.

12. Ban quản lý các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trong các khu, cụm công nghiệp trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt;

b) Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình làm chủ sở hữu, gồm: Lựa chọn đơn vị thoát nước; cấp phép đấu nối cho hệ thoát nước; chỉ đạo và cho ý kiến thỏa thuận với chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp về giá dịch vụ thoát nước làm cơ sở quyết định về mức giá theo quy định;

c) Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trong các khu, cụm công nghiệp;

d) Chịu trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trong các khu, cụm công nghiệp; tập hợp lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải các khu, cụm công nghiệp theo định kỳ hàng năm và đột xuất về Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân Thành phố.

13. Sở Thông tin và Truyền thông.

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước được Ủy ban nhân dân Thành phố giao trong công tác thông tin truyền thông; Chủ trì, tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu của Thành phố; phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về thoát nước, vận động nhân dân và các tổ chức nâng cao nhận thức thực hiện tốt công tác giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ, chống lấn chiếm hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, thực hiện tốt nghĩa vụ thanh toán tiền dịch vụ thoát nước.

14. Công an Thành phố.

Theo chức năng nhiệm vụ của ngành, phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải theo quy định hiện hành.

Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với các công trình hệ thống thoát nước được Thành phố phân cấp; tổ chức thực hiện quản lý, duy trì hệ thống thoát nước được giao chủ sở hữu.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì, duy tu nạo vét hệ thống thoát nước được giao chủ sở hữu theo quy định.

3. Thực hiện chức năng giám sát, kiểm tra, phát hiện xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải theo quy định.

4. Báo cáo nội dung công tác quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn theo yêu cầu hoặc định kỳ hàng năm về Sở Xây dựng trước ngày 15/12 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 23. Tổ chức thực hiện.

Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Quy định này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo các văn bản được thay thế hoặc được sửa đổi, bổ sung.

Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung cần phải điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đề nghị phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung



PHỤ LỤC 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ NGHỊ
THỎA THUẬN ĐẤU NỐI THOÁT NƯỚC**

Kính gửi: - (Tên đại diện Chủ sở hữu công trình thoát nước);

Tên tổ chức/ cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:

Fax:

Mail:

Đại diện (nếu là cơ quan, tổ chức):

Chức vụ:

Để đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực và mỹ quan đô thị, nay tôi làm đơn này, kính đề nghị (Đại diện Chủ sở hữu công trình thoát nước, đơn vị thoát nước) xem xét thỏa thuận để tôi được đấu nối thoát nước vào hệ thống thoát nước đô thị tại vị trí:... (có hồ sơ pháp lý, thiết kế đấu nối, các tài liệu kèm theo);

Nhà số:, đường/phố/tổ,phường/ xã
.....quận/huyện/....., thành phố Hà Nội.

Sau khi ký thỏa thuận đấu nối, tôi xin cam kết:

1. Chấp hành các quy định hiện hành về xây dựng và quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Chịu sự giám sát thực hiện và thanh toán mọi chi phí hoàn trả mặt bằng vỉa hè, mặt đường sau khi thi công đấu nối.

3. Đóng tiền giá dịch vụ thoát nước theo đúng quy định; Chịu trách nhiệm quản lý, sửa chữa công trình thoát nước đã cho phép lắp đặt, không để tắc nghẽn, làm ô nhiễm môi trường xung quanh (trước khi sửa chữa phải làm thủ tục xin phép theo quy định hiện hành);

4. Không lấn chiếm, xây dựng các công trình trên hệ thống thoát nước;

5. Không xả các chất thải độc hại vào hệ thống thoát nước;

6. Không đổ đất, đá, rác xuống hệ thống thoát nước; các hành vi khác làm cản trở dòng chảy, ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước;

Nếu không thực hiện đúng các nội dung trên, tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20.....

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ và tên)

PHỤ LỤC 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THỎA THUẬN ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC

Số...../.....

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về Thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Quyết định số/2017/QĐ-UBND ngày tháng năm 2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Theo văn bản chấp thuận của Đại diện Chủ sở hữu công trình thoát nước số....., ngày/.../.../;

Theo hồ sơ thiết kế đầu nối hệ thống thoát nước do đại diện hộ thoát nước lập;

Hôm nay, ngày/...../....., tại, chúng tôi gồm:

1. Đại diện đơn vị thoát nước: (Tên đơn vị thoát nước)

- Tên người đại diện:

- Chức vụ:

2. Đại diện hộ thoát nước: (Tên hộ thoát nước nếu là tổ chức)

- Tên người đại diện:

- Chức vụ:

3. Đại diện chủ sở hữu công trình thoát nước: (nếu có)

- Tên người đại diện:

- Chức vụ:

Các bên lập biên bản thống nhất triển khai đầu nối thoát nước với các nội dung cơ bản sau:

- Vị trí, cao độ, kích thước hộp đầu nối:.....

- Chiều dài, đường kính, vật liệu ống đầu nối thoát nước (mưa nước thải):.....;

- Khối lượng nước thải (dự kiến):.....;

- Thời gian tiến hành đầu nối:.....;

Một số đề nghị đối với hộ thoát nước:

1. Việc đầu nối hệ thống thoát nước phải đảm bảo hạn chế đến mức thấp nhất lượng nước thải thấm vào lòng đất hoặc chảy vào các nguồn tiếp nhận khác.

2. Ống thoát nước từ hộp/điểm đầu nối vào bên trong phần đất tư của hộ thoát nước phải được kiểm tra định kỳ, chủ động nạo vét để không làm ảnh hưởng

đến hệ thống thoát nước của khu vực. Khuyến khích sử dụng ống thoát nước làm bằng nhựa uPVC hoặc HDPE.

3. Nước thải sinh hoạt từ các hộ thoát nước xả vào hệ thống thoát nước thải phải đảm bảo các quy chuẩn nước xả thải theo quy định.

4. Đối với các loại nước thải khác, hộ thoát nước phải thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ bảo đảm quy chuẩn cho phép trước khi xả vào điểm đầu nối. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm tổ chức kiểm soát việc xả thải của các hộ thoát nước thải vào hệ thống thoát nước thải do mình quản lý đảm bảo các quy chuẩn quy định.

Kết luận:

- Các bên thống nhất các nội dung trên và ký tên dưới đây.
- Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc các bên chủ động bàn bạc thống nhất phương án xử lý.
- Thỏa thuận được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau.

Đơn vị thoát nước

(ký, ghi rõ họ và tên)

Hộ thoát nước

(ký, ghi rõ họ và tên)

Đại diện chủ sở hữu công trình thoát nước

(ký, ghi rõ họ và tên)

PHỤ LỤC 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU THI CÔNG ĐẦU NỐI

Hôm nay, ngày/...../....., chúng tôi gồm có:

1. Đại diện đơn vị thoát nước:
2. Đại diện hộ thoát nước:
3. Đại diện chủ sở hữu công trình thoát nước:.....

Các bên tham dự đã tiến hành kiểm tra việc đầu nối nước thải của hộ gia đình/tổ chức vào hệ thống thoát nước đô thị theo thỏa thuận đầu nối số/.....

Kết quả kiểm tra:

(i) Yêu cầu kỹ thuật đầu nối: Đạt / Không đạt

(ii) Lý do không đạt hoặc các yêu cầu khác (nếu có):

.....
.....
.....

Kết luận: Nước thải của hộ thoát nước được phép/ không được phép xả vào hệ thống thoát nước thành phố.

Đại diện hộ thoát nước

(ký, ghi rõ họ và tên)

Đại diện đơn vị thoát nước

(ký, ghi rõ họ và tên)

Đại diện chủ sở hữu công trình thoát nước

(ký, ghi rõ họ và tên)